

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BẮC BÌNH
TỈNH BÌNH THUẬN**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 67/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 26-12-2023
V/v tranh chấp ly hôn, con
chung, chia tài sản chung khi
ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BẮC BÌNH, TỈNH BÌNH THUẬN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Xuân Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương Dung
2. Bà Nguyễn Thị Hạnh

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Mai Thị Chiêm Vân, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận tham gia phiên tòa: Bà Lê Thị Khánh Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự về Hôn nhân gia đình theo thông báo thụ lý số: 233/2021/TLST-HNGĐ ngày 08/10/2021, Thông báo số 191A/2022/TLST-HNGĐ ngày 08/4/2022, Thông báo số 191B/2022/TLST-HNGĐ ngày 12/4/2022, về việc: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con, chia tài sản chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 76/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 28/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 57/2023/QĐST-HNGĐ ngày 13/12/2023 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Xuân T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Số A, thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

2. Bị đơn: Anh Phạm Thanh L, sinh năm 1982

Địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Thanh L về phần tài sản: Bà Võ Thị Á, sinh năm 1959; địa chỉ: Khu phố H, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Anh Nguyễn T1, sinh năm 1981

Địa chỉ: Khu phố H, phường V, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

3.2. Anh Nguyễn Ngọc C, sinh năm 1990

Địa chỉ: Khu phố X, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

3.3. Ông Trần Văn B, sinh năm 1983

3.4. Ông Trần Văn S, sinh năm 1960

Cùng địa chỉ: Thôn T, xã S, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

3.5. Ông Nguyễn Văn T2, sinh năm 1951

3.6. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1953

Cùng địa chỉ: Thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận.

Tại phiên tòa có mặt nguyên đơn, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn về phần tài sản; Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện bổ sung, bản tự khai và trong quá trình tố tụng nguyên đơn chị Nguyễn Thị Xuân T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh Phạm Thanh L tự nguyện tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 07/4/2005. Sau khi kết hôn thì vợ chồng chị T sinh sống tại nhà anh L tại khu phố H, thị trấn C, huyện B, tỉnh Bình Thuận đến tháng 4/2006 thì hai vợ chồng chuyển về nhà chị T tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận để sinh sống. Hai vợ chồng chung sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2018 thì không còn chung sống cùng nhau nữa do bất đồng quan điểm lối sống, cuộc sống hôn nhân không hòa hợp, vợ chồng không chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Nay chị T xác định không còn tình cảm với anh L, hạnh phúc không thể duy trì, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn đối với anh Phạm Thanh L.

Về con chung: Chị T và anh L có hai con chung là Phạm Thanh T3, sinh ngày 20/4/2007 và Phạm Thành T4, sinh ngày 18/01/2011. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và yêu cầu anh Phạm Thanh L cấp dưỡng nuôi con cho mỗi con chung với số tiền 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia các tài sản chung của vợ chồng cụ thể là nhà 3A, 4B, tọa lạc tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận và nội thất trong nhà gồm có: 03 giường, 02 tủ quần áo, 01 bàn trang điểm, 02 bộ bàn ăn, 01 bộ S1, 01 tượng quan công, 03 trụ lục bình; 01 chiếc xe máy hiệu super dream biển số 86S1-3030, 01 xe máy hiệu Suzuki biển số 86B2-14040 và một số vật dụng khác đã được Tòa án ghi nhận trong biên bản xét xét thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2022. Đối với các tài sản đã được thẩm định, định giá chị T thống nhất và yêu cầu Tòa án chia mỗi người một nửa, cụ thể giao các tài sản trên cho anh L quản lý, sử dụng và anh L có trách nhiệm hoàn lại số tiền chênh lệch cho chị T.

Đối diện tích đất 19.431,4 m² tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 ngày 09/11/2016 đây là tài sản chung của anh Nguyễn T1 và vợ chồng chị Nguyễn Thị Xuân T, anh Phạm Thanh L. Chị T đồng ý để anh L sở hữu 50% diện tích đất là 9.715.7 m² và hoàn lại cho chị T số tiền chênh lệch theo biên bản định giá của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình lập ngày 28/6/2022.

Đối với yêu cầu của anh L cho rằng chị T đã được anh Nguyễn Ngọc C giao số tiền 900.000.000 đồng của anh L là không đúng, không có căn cứ vì từ trước đến nay chị T chưa nhận bất cứ khoản tiền nào từ anh Nguyễn Ngọc C nên chị T không đồng ý đối với yêu cầu này của anh Phạm Thanh L.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Xuân T xác định không có nợ chung.

Trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn anh Phạm Thanh L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh L và chị T tự nguyện tìm hiểu từ năm 2001 đến năm 2005 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận vào ngày 07/4/2005. Sau khi kết hôn vợ chồng anh L chung sống hạnh phúc cho đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu xảy ra mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống, vợ chồng không có sự chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống nên thường xuyên xảy ra cãi vã, dù đã tự hòa giải nhưng không được. Anh L xác định mâu thuẫn vợ chồng đã quá trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn. Hơn nữa, hiện nay anh L đang phải

chấp hành án của Bản án hình sự nên anh xác định tình cảm vợ chồng không thể hàn gắn, hạnh phúc không thể duy trì nên đồng ý ly hôn với chị Nguyễn Thị Xuân T.

Về con chung: Anh Phạm Thanh L và chị Nguyễn Thị Xuân T có hai con chung là Phạm Thanh T3, sinh ngày 20/4/2017 và Phạm Thành T4, sinh ngày 18/01/2011. Khi ly hôn anh L đồng ý giao hai con chung cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và anh L không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Nội dung này anh L xác định đã ủy quyền cho bà Võ Thị Á nên mọi quyết định của bà Á anh L thống nhất và không có ý kiến bổ sung.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của bị đơn anh Phạm Thanh L về phần tài sản chung là bà Võ Thị Á trình bày:

Tài sản chung của anh Phạm Thanh L, chị Nguyễn Thị Xuân T, bà Á thống nhất bao gồm 01 căn nhà tại số A, thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận cùng các nội thất, tài sản khác theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, bà Á yêu cầu chia cho anh L chị T mỗi người một nửa. Do căn nhà xây dựng trên đất của cha mẹ chị T là ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H nên bị đơn đồng ý giao căn nhà trên cho chị Nguyễn Thị Xuân T và chị T hoàn lại số tiền chênh lệch cho anh L; đối với các nội thất bên trong bà Á yêu cầu được nhận và hoàn số tiền chênh lệch cho chị T.

Đối với diện tích đất 19.431,4 m² tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 ngày 09/11/2016 đây là tài sản của vợ chồng anh L, chị T và anh Nguyễn T1 nên đề nghị Tòa án chia cho vợ chồng anh L, chị T được sở hữu 50% tương ứng diện tích đất là 9.715.7 m², anh Nguyễn T1 sở hữu tương ứng diện tích đất là 9.715.7 m². Đối với phần diện tích đất 9.715.7 m² của vợ chồng anh L chị T đề nghị giao toàn bộ diện tích này cho anh Phạm Thanh L quản lý, sử dụng và anh L sẽ hoàn lại số tiền chênh lệch tương ứng với 50% giá trị tài sản cho chị T.

Đối với yêu cầu chia số tiền 900.000.000 đồng là tài sản chung của vợ chồng anh L, chị T, ngày 28/7/2023, bà Á có đơn xin rút yêu cầu khởi kiện đối với yêu cầu này và không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn T1 trình bày:

Đổi diện tích đất 19.431,4 m² tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 ngày 09/11/2016 đây là tài sản chung của anh Nguyễn T1 và vợ chồng chị Nguyễn Thị Xuân T, anh Phạm Thanh L. Nay anh L, chị T ly hôn, chia tài sản chung nên anh T1 đồng ý chia tài sản trên cho anh T1 50% diện tích đất, vợ chồng chị T, anh L 50% diện tích đất. Ngoài ra anh không có yêu cầu gì khác.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Nguyễn Ngọc C trình bày:

Đối với yêu cầu của anh Phạm Thanh L cho rằng anh C đã nhận số tiền 900.000.000 đồng từ anh Phạm Thanh L và sau đó giao cho chị Nguyễn Thị Xuân T là không có căn cứ, bởi anh C và vợ chồng anh L, chị T chỉ là bạn bè xa giao và từ trước đến nay anh C chưa bao giờ nhận bất cứ khoản tiền nào từ anh Phạm Thanh L để giao cho chị Nguyễn Thị Xuân T.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan anh Trần Văn B và ông Trần Văn S (là cha ruột của anh B) đều trình bày:

Theo sơ đồ đo vẽ vị trí đất ngày 30/12/2022 của Chi nhánh Văn phòng Đ đổi với diện tích đất 19.431,4 m² tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận đã được Ủy ban nhân dân huyện B, tỉnh Bình Thuận cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 ngày 09/11/2016 cho anh Nguyễn T1 (đây là tài sản chung của anh Nguyễn T1 và vợ chồng chị Nguyễn Thị Xuân T) thì hiện nay anh B và ông S cùng trồng mè, trồng trà trên diện tích 6.715,2 m² nên anh B và ông S đồng ý trả lại diện tích trên cho anh Nguyễn T1, chị Nguyễn Thị Xuân T, anh Phạm Thanh L. Tuy nhiên, hiện nay trên đất có một số cây trà đang sắp thu hoạch nên đã thỏa thuận với anh T1, chị T, bà Á (đại diện theo ủy quyền của anh L) đề nghị chủ sử dụng đất cho anh Trần Văn B và ông Trần Văn S tạm sử dụng đến ngày 31 tháng 8 năm 2024 để thu hoạch các cây trồng trên và sẽ giao trả lại diện tích đất trên cho chủ sử dụng đất.

Trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T2 trình bày:

Năm 2006, vợ chồng con gái bà H, ông T2 là chị Nguyễn Thị Xuân T, anh Phạm Thanh L có về nhà bà H, ông T2 tại thôn B, xã P, huyện B để sinh sống và có xây một căn nhà phía trước, đến năm 2011 thì vợ chồng chị T, anh L xây dựng thêm một căn nhà ở phía sau. Đến năm 2017 thì tiến hành sửa chữa căn nhà phía trước và 2018

thì sửa chữa căn nhà phía sau. Căn nhà mà gia đình chị Nguyễn Thị Xuân T, anh Phạm Thanh L xây dựng nằm trên diện tích đất của vợ chồng bà H, ông T2 đã được Ủy ban nhân dân huyện B cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 044667 ngày 26/8/2005 và AD 272570 ngày 26/8/2005. Do thấy vợ chồng chị T, anh L không có đất để xây dựng nhà để có chỗ ở, trước khi xây dựng vợ chồng bà H, ông T2 có nói rõ với vợ chồng chị T, anh L là chỉ cho mượn tạm đất để xây dựng nhà ở còn quyền quản lý vẫn thuộc về vợ chồng bà H, ông T2. Vợ chồng bà H, ông T2 xác định chưa tặng cho hay chuyển nhượng thửa đất trên cho bất cứ ai. Trường hợp vợ chồng chị T, anh L ly hôn chia tài sản chung liên quan đến căn nhà và các tài sản khác xây dựng trên đất của vợ chồng bà H, ông T2 thì vợ chồng bà H, ông T2 đồng ý cho căn nhà và các tài sản khác tồn tại trên đất của bà H, ông T2 trong trường hợp Tòa án chia căn nhà cho con gái ông T2, bà H là chị Nguyễn Thị Xuân T. Trường hợp Tòa án chia căn nhà và tài sản khác cho anh Phạm Thanh L thì bà H, ông T2 không đồng ý.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện theo đó yêu cầu được ly hôn; về con chung yêu cầu được nuôi dưỡng hai con và không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con; đối với tài sản chị T chỉ yêu cầu được sở hữu căn nhà tại thôn B, xã P, huyện B, các tài sản khác theo biên bản xem xét thẩm định của Tòa án chị đồng ý giao cho anh Phạm Thanh L, các bên không ai phải hoàn lại cho nhau về số tiền chênh lệch của tài sản.

Đại diện theo ủy quyền của bị đơn thay đổi yêu cầu phản tố theo đó yêu cầu được giao diện tích 9.715.7 m² tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 ngày 09/11/2016 và nhận toàn bộ nội thất và hai xe máy theo biên bản xem xét thẩm định của Tòa án ngày 28/6/2022 của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình. Các bên không ai phải hoàn trả lại cho nhau số tiền chênh lệch.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Đối với Thẩm phán từ khi thụ lý đến khi xét xử thực hiện đúng nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định. Hội đồng xét xử đúng như quyết định đưa vụ án ra xét xử, Hội đồng xét xử thể hiện sự vô tư khách quan khi xét xử, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70, 71, 72, 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và yêu cầu phản tố của bị đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Phạm Thanh L.

Về con chung: Giao hai con chung là Phạm Thanh T3, sinh ngày 20/4/2007 và Phạm Thành T4, sinh ngày 18/01/2011 cho chị Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Phạm Thanh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Chị Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu anh Phạm Thanh L cấp dưỡng nuôi con.

Về nợ chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung:

Giao chị Nguyễn Thị Xuân T nhận căn nhà cấp 3A, cấp 4B và mái che khung sắt tiền chế tọa lạc tại số A thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận. Tổng giá trị 689.389.600 đồng.

Giao anh Phạm Thanh L nhận toàn bộ nội thất trong nhà gồm: 01 bàn ăn với 06 ghế gỗ lim, 01 bàn ăn 04 ghế gỗ tạp, 01 bộ salong gồm 07 món, gỗ lim, 01 giường gỗ tạp, 01 tủ đứng gỗ lim, một cặp lục bình cao 1,2 m, 01 cặp lục bình cao 1,4m, 01 cặp lục bình cao 1,6m, 01 giá võng gỗ cẩm, 02 ghế dây gỗ cẩm, 01 tượng quan công, 02 giường ngủ, 01 bàn trang điểm gỗ lim, 02 tủ ván ép. Tổng giá trị 197.200.000 đồng. 02 xe mô tô gồm 01 xe Honda Super Dream biển số 86S1-3030 và 01 xe hiệu Suzuki biển số 86B2-14040. Tổng giá trị là 22.000.000đ.

Anh Nguyễn T1 nhận diện tích đất 9.715,7 m² trị giá 306.860.669 đồng, anh Phạm Thanh L nhận diện tích đất 9.715,7 m² trị giá 306.860.669 đồng thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 201, tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 09/11/2016, cập nhật biến động đứng tên Nguyễn T1 vào ngày 24/4/2018.

Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của anh Phạm Thanh L đối với yêu cầu chia 900.000.000 đồng.

Về án phí: Đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Về chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

1. Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị Xuân T có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung đối với anh Phạm Thanh L, anh L có hộ khẩu thường trú tại huyện B, tỉnh Bình Thuận nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T và anh Phạm Thanh L có đăng kí kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 228, quyển số 04 ngày 07/4/2005 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận nên quan hệ hôn nhân của chị T và anh L là hợp pháp.

Bị đơn anh Phạm Thanh L, những người liên quan anh Nguyễn T1, anh Nguyễn Ngọc C, anh Trần Văn B, ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt tại phiên tòa và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử xét thấy những người này đã có đơn xin xét xử vắng mặt nên căn cứ vào Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Phạm Thanh L, những người liên quan anh Nguyễn T1, anh Nguyễn Ngọc C, anh Trần Văn B, ông Trần Văn S, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T2.

2. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Theo chị Nguyễn Thị Xuân T trong quá trình chung sống, thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, đến năm 2018 thì vợ chồng bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm lối sống, vợ chồng không có sự chia sẻ, giúp đỡ nhau trong cuộc sống nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã làm cho tình cảm vợ chồng ngày càng rạn nứt, không thể hàn gắn. Hơn nữa, hiện anh L hiện đang chấp hành Bản án hình sự với thời hạn 20 năm nên sự hàn gắn tình cảm vợ chồng là điều không thể. Nay chị Nguyễn Thị Xuân T xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh L, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu

cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Phạm Thanh L. Hội đồng xét xử thấy rằng: Luật Hôn nhân và Gia đình quy định vợ chồng thì phải biết thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ nhau cùng xây dựng gia đình hạnh phúc đồng thời phải biết tôn trọng, giữ gìn danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau, phải có nghĩa vụ chung sống với nhau nhưng thực tế cuộc sống hôn nhân của chị T, anh L không còn hạnh phúc, anh chị không còn quan tâm, tôn trọng, tin tưởng, giúp đỡ nhau nên hạnh phúc gia đình ngày rạn nứt, hôn nhân lâm vào tình trạng mâu thuẫn trầm trọng, không ai còn quan tâm đến cuộc sống của nhau, điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân của anh chị không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Mặc dù mâu thuẫn vợ chồng đã xảy ra một thời gian dài nhưng vợ chồng chị T, anh L không ai có thiện chí hòa giải đoàn tụ nên mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên chị T, anh L thống nhất ly hôn, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị Xuân T đối với anh Phạm Thanh L.

Về con chung: Chị T, anh L có hai con chung là Phạm Thanh T3, sinh ngày 20/4/2007 và Phạm Thành T4, sinh ngày 18/01/2011. Sau khi ly hôn chị T yêu cầu được nuôi dưỡng hai con chung và không yêu cầu anh Phạm Thanh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện nay hai con đang do chị T trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc tốt. Đồng thời tại biên bản lấy lời khai con chung các con vẫn có nguyện vọng được ở với chị T, nên để đảm bảo cuộc sống cũng như ổn định về nơi ở và học tập tránh làm xáo trộn đến cuộc sống của các con Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T về việc được nuôi dưỡng hai con.

Đối với yêu cầu cấp dưỡng nuôi con: Trong quá trình giải quyết vụ án chị T có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con với số tiền 2.500.000 đồng/tháng cho mỗi con đến khi các con đủ 18 tuổi. Tuy nhiên, tại phiên tòa chị T đã thay đổi yêu cầu theo đó không yêu cầu anh Phạm Thanh L cấp dưỡng nuôi con, dù đã được Hội đồng xét xử giải thích quyền yêu cầu cấp dưỡng nhưng chị T vẫn không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Trong đơn khởi kiện chị T và đơn phản tố của anh L yêu cầu chia tài sản chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân cụ thể: Căn nhà cấp 3A và căn nhà cấp 4B, mái che khung sắt tiền tọa lạc tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận trị giá 689.389.600 đồng và nội thất trong nhà gồm có: 01 bàn ăn với 06 ghế gỗ lim, 01 bàn ăn 04 ghế gỗ tạp, 01 bộ salong gồm 07 món, gỗ lim, 01 giường gỗ tạp, 01 tủ đứng gỗ lim, một cặp lục bình cao 1,2 m, 01 cặp lục bình cao 1,4m, 01 cặp lục bình cao 1,6m, 01 giá võng gỗ cẩm, 02 ghế dây gỗ cẩm, 01 tượng quan công, 02 giường ngủ, 01 bàn trang điểm gỗ lim, 02 tủ ván ép có tổng giá trị 197.200.000 đồng;

02 xe mô tô gồm 01 xe Honda Super Dream biển số 86S1-3030 và 01 xe hiệu Suzuki biển số 86B2-14040 trị giá là 22.000.000đ. Diện tích đất 9.715,7 m²/19.431,4 m² trị giá 306.860.669 đồng thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 201, tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 09/11/2016, cập nhật biến động đứng tên Nguyễn T1 vào ngày 24/4/2018.

Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa các bên đương sự đã tự thỏa thuận và thống nhất với nhau về các tài sản chung của vợ chồng và giá trị các tài sản theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ và định giá vào ngày 28/6/2022 của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ và định giá Tòa án nhân dân huyện Bắc Bình và thống nhất chia cụ thể:

Chị Nguyễn Thị Xuân T được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt căn nhà có diện tích tầng 1 là 142,1m² và tầng 2 diện tích 55,4m², mái che khung sắt tiền chế diện tích 30,8m² tổng giá trị 689.389.000 đồng, tọa lạc căn nhà tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 044667 ngày 26/8/2005 và AD 272570 ngày 26/8/2005 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp cho ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H theo sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Bình Thuận lập ngày 28/12/2022.

Anh Phạm Thanh L nhận toàn bộ nội thất trong nhà gồm: 01 bàn ăn với 06 ghế gỗ lim giá 15.000.000 đồng, 01 bàn ăn 04 ghế gỗ tạp giá 2.000.000 đồng, 01 bộ salong gồm 07 món gỗ lim giá 35.000.000 đồng, 01 giường gỗ tạp giá 15.000.000 đồng, 01 tủ đứng 04 bồn giá 35.000.000 đồng, 01 cặp lục bình cao 1,2m gỗ gụ giá 6.000.000 đồng, 01 cặp lục bình cao 1,4m giá 8.000.000 đồng, 01 cặp lục bình cao 1,6m gỗ gụ giá 15.000.000 đồng, 01 giá võng gỗ cẩm giá 10.000.000 đồng, 02 ghế dây gỗ cẩm giá 20.000.000 đồng (mỗi ghế giá 10.000.000 đồng), 01 tượng quan công gỗ cẩm giá 5.000.000 đồng, 02 giường ngủ gỗ lim giá 14.000.000 đồng (mỗi giường giá 7.000.000 đồng), 01 bàn trang điểm gỗ lim giá 7.000.000 đồng, 01 tủ ván ép gỗ tạp trị giá 1.400.000 đồng, 01 tủ ván ép gỗ tạp cao 1,4m gỗ tạp giá 1.800.000 đồng.

Anh Phạm Thanh L nhận 02 xe mô tô gồm 01 xe Honda Super Dream biển số 86S1-3030 trị giá 7.000.000 đồng và 01 xe hiệu Suzuki biển số 86B2-14040 trị giá 15.000.000 đồng.

Anh Phạm Thanh L nhận diện tích đất 9.715,7 m², trị giá 306.860.669 đồng, anh Nguyễn T1 nhận diện tích đất 9.715,7 m² trị giá 306.860.669 đồng thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 201, tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, theo

Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 09/11/2016, cập nhật biến động đứng tên Nguyễn T1 vào ngày 24/4/2018.

Anh Nguyễn T1 nhận diện tích đất 9.715,7 m², trị giá 306.860.669 đồng đồng thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 201, tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 09/11/2016, cập nhật biến động đứng tên Nguyễn T1 vào ngày 24/4/2018.

Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc phân chia tài sản trong vụ án, tuy tại phiên tòa một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan như anh Nguyễn T1, ông Trần Văn S, anh Trần Văn B, bà Nguyễn Thị H, ông Nguyễn Văn T2 vắng mặt nhưng đã có đơn xin xét xử vắng mặt và trong quá trình giải quyết vụ án những người này cũng đã có ý kiến đối với việc giải quyết vụ án và những ý kiến đó phù hợp với sự thỏa thuận của chị T, bà Á. Hơn nữa, sự thỏa thuận trên của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái các quy định của pháp luật và đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận sự thỏa thuận của các đương sự.

Đối với yêu cầu phản tố của bị đơn yêu cầu chia số tiền 900.000.000 đồng mà bị đơn cho rằng hiện nguyên đơn đang quản lý. Tuy nhiên, đến ngày 28/7/2023, bà Võ Thị Á là người đại diện theo ủy quyền của anh Phạm Thanh L về phần tài sản đã có đơn xin rút đối với nội dung này. Xét thấy: Việc bà Võ Thị Á rút một phần yêu cầu phản tố là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, không trái các quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội, nên Hội đồng xét xử đình chỉ một phần đối với yêu cầu phản tố của bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Hiện nay, diện tích đất 19.431,4 m² thuộc thửa đất số 04, tờ bản đồ số 201, tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 09/11/2016, cập nhật biến động đứng tên Nguyễn T1 vào ngày 24/4/2018, ông Trần Văn B, Trần Văn S đang trồng một số cây mè, cây tràm...trên đất với diện tích 6.715,2 m². Tại biên bản hòa giải các đương sự đã tự thỏa thuận và đã chỉ dẫn Chi nhánh Văn phòng Đ thực hiện cắm mốc trên thực địa vào ngày 22/11/2023, theo đó anh Phạm Thanh L sở hữu diện tích đất 9.715,7 m² trong đó diện tích ông Trần Văn B, Trần Văn S lấn chiếm là 6.640,1; anh Nguyễn T1 sở hữu 9.715,7 m² trong đó diện tích ông Trần Văn B, Trần Văn S lấn chiếm là 75,1

m². Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nguyễn T1, chị Nguyễn Thị Xuân T, bà Võ Thị Á và ông Trần Văn B, Trần Văn S đều thống nhất cho các cây trồng trên đất gồm cây trà, cây me.. Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 28/6/2022 được tồn tại đến ngày 31/8/2024 sau đó ông Trần Văn B, Trần Văn S phải trả lại nguyên trạng thửa đất nêu trên cho anh Nguyễn T1, anh Phạm Thanh L tương ứng với diện tích đã nêu trên.

Về nợ chung: Chị Nguyễn Thị Xuân T, anh Phạm Thanh L khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

Về chi phí tố tụng: Ngày 28/6/2023, Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ định giá và đo đạc đã hết tổng chi phí 13.500.000 đồng. Đối với chi phí tố tụng chị T, anh L mỗi người phải nộp 50% cụ thể chị T, anh L mỗi người phải chịu 6.750.000 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ án chị Nguyễn Thị Xuân T đã nộp tạm ứng chi phí 13.500.000 đồng, nên anh Phạm Thanh L phải có trách nhiệm trả lại cho chị Nguyễn Thị Xuân T số tiền 6.750.000 đồng.

Ngày 22/11/2023, chị T, anh L, anh T1 yêu cầu Tòa án phân chia tài sản đối với các tài sản mà các bên đã thỏa thuận và đã tự nguyện đóng chi phí tiến hành đo đạc và bản vẽ với tổng số tiền 19.500.000 đồng. Chị T, anh L, anh T1 mỗi người phải chịu 6.500.000 đồng. Đối với số tiền này các đương sự đã tự nguyện nộp và không yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét giải quyết.

Xét ý kiến trình bày của các đương sự, cũng như quan điểm đề nghị tại Tòa của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về ly hôn, nuôi con chung, chia tài sản chung và yêu cầu phản tố của bị đơn về việc chia tài sản chung là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn, chia tài sản chung. Anh Phạm Thanh L phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung khi ly hôn. Anh Nguyễn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối trường hợp vợ chồng yêu cầu người khác thực hiện nghĩa vụ về tài sản mà Tòa án chấp nhận yêu cầu của vợ, chồng, thì người có nghĩa vụ về tài sản phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với giá trị phân tài sản mà họ phải thực hiện. Đối với yêu cầu của bị đơn về yêu cầu rút một phần yêu cầu phản tố về việc chia tài sản chung do được Tòa án chấp nhận nên

bị đơn được hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí đối với yêu cầu chia số tiền 900.000.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 157, Điều 161, Điều 165, Điều 228, Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điều 9, Điều 19, Điều 33, Điều 35, Điều 51, Điều 56, Điều 57, Điều 58, Điều 59, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình.

Khoản 8 Điều 26; điểm a, điểm c, điểm e khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTV-QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Điều 7 thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP ngày 06/01/2016 của Tòa án nhân dân tối cao – Viện kiểm sát nhân dân tối cao – Bộ Tư pháp về hướng dẫn thi hành một số quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

2. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Xuân T và yêu cầu phản tố của anh Phạm Thanh L:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Xuân T được ly hôn với anh Phạm Thanh L.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Xuân T trực tiếp nuôi dưỡng hai con là Phạm Thanh T3, sinh ngày 20/4/2007 và Phạm Thành T4, sinh ngày 18/01/2011. Chị Nguyễn Thị Xuân T, anh Phạm Thanh L có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung.

Anh Phạm Thanh L có quyền thăm nom con chung sau khi ly hôn.

Về phương thức cấp dưỡng và số tiền cấp dưỡng: Chị Nguyễn Thị Xuân T không yêu cầu anh Phạm Thanh L cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung:

1. Chị Nguyễn Thị Xuân T được quyền sở hữu, sử dụng, định đoạt căn nhà có diện tích tầng 1 là 142,1m² và tầng 2 diện tích 55,4m², mái che khung sắt tiền chế diện tích 30,8m² tổng giá trị 689.389.000 đồng, tọa lạc căn nhà tại thôn B, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AB 044667 ngày 26/8/2005 và AD 272570 ngày 26/8/2005 do Ủy ban nhân dân huyện

B cấp cho ông Nguyễn Văn T2, bà Nguyễn Thị H theo sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng Đ, tỉnh Bình Thuận lập ngày 28/12/2022.

2. Buộc chị Nguyễn Thị Xuân T phải giao cho anh Phạm Thanh L các tài sản bao gồm:

2.1. 01 bàn ăn với 06 ghế gỗ lim giá 15.000.000 đồng, 01 bàn ăn 04 ghế gỗ tạp giá 2.000.000 đồng, 01 bộ salong gồm 07 món gỗ lim giá 35.000.000 đồng, 01 giường gỗ tạp giá 15.000.000 đồng, 01 tủ đứng 04 bồn giá 35.000.000 đồng, 01 cặp lục bình cao 1,2m gỗ Gụ giá 6.000.000 đồng, 01 cặp lục bình cao 1,4m giá 8.000.000 đồng, 01 cặp lục bình cao 1,6m gỗ Gụ giá 15.000.000 đồng, 01 giá võng gỗ Cẩm giá 10.000.000 đồng, 02 ghế dây gỗ Cẩm giá 20.000.000 đồng (mỗi ghế giá 10.000.000 đồng), 01 tượng quan công gỗ Cẩm giá 5.000.000 đồng, 02 giường ngủ gỗ lim giá 14.000.000 đồng (mỗi giường giá 7.000.000 đồng), 01 bàn trang điểm gỗ lim giá 7.000.000 đồng, 01 tủ ván ép gỗ tạp trị giá 1.400.000 đồng, 01 tủ ván ép gỗ tạp cao 1,4m gỗ tạp giá 1.800.000 đồng.

2.2. 01 xe HONDA Super Dream biển số 86S1-3030, số khung 08078Y011756, màu nâu, trị giá 7.000.000 đồng và 01 xe hiệu Suzuki biển số 86B2-14040, số khung 4GD0C0100565, màu tím, trị giá 15.000.000 đồng đều mang tên Nguyễn Thị Xuân T. Chị Nguyễn Thị Xuân T có trách nhiệm giao các giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô biển số 86S1-3030 và biển số 86B2-14040 cho anh Phạm Thanh L và anh Phạm Thanh L có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để đăng ký quyền sở hữu xe.

(Theo biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Hội đồng xem xét thẩm định tại chỗ lập ngày 28/7/2022)

3. Buộc anh Nguyễn T1 phải giao diện tích đất 9.715,7 m² tọa lạc thửa đất tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 09/11/2016, cập nhật biến động đứng tên Nguyễn T1 vào ngày 24/4/2018, trị giá 306.860.669 đồng cho anh Phạm Thanh L.

(Theo sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 22/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ)

4. Giao cho anh Nguyễn T1 nhận diện tích đất 9.715,7 m² tọa lạc thửa đất tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 do Ủy ban nhân

dân huyện B cấp ngày 09/11/2016, cập nhật biến động đứng tên Nguyễn T1 vào ngày 24/4/2018, trị giá 306.860.669 đồng.

(Theo sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 22/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ)

5. Anh Phạm Thanh L, anh Nguyễn T1 có quyền, nghĩa vụ đăng ký biến động sang tên quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà đối với bất động sản được chia.

6. Đến ngày 31/8/2024, ông Trần Văn B, ông Trần Văn S phải trả lại cho anh Nguyễn T1, anh Phạm Thanh L diện tích đất lấn chiếm cụ thể:

6.1. Trả lại cho anh Nguyễn T1 diện tích đất là 75,1 m² tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 09/11/2016, cập nhật biến động đứng tên Nguyễn Tuân .

(Theo sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 22/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ)

6.2. Trả lại cho anh Phạm Thanh L diện tích đất là 6.640,1 m² tọa lạc tại thôn C, xã P, huyện B, tỉnh Bình Thuận thuộc Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CC 985699 do Ủy ban nhân dân huyện B cấp ngày 09/11/2016, cập nhật biến động đứng tên Nguyễn Tuân .

(Theo sơ đồ vị trí khu đất tranh chấp ngày 22/11/2023 của Chi nhánh Văn phòng Đ)

7. Đình chỉ một phần đối với yêu cầu phản tố của anh Phạm Thanh L đối với yêu cầu chia số tiền 900.000.000 đồng.

Hậu quả pháp lý của việc đình chỉ: Anh Phạm Thanh L được quyền khởi kiện lại vụ án khi đủ điều kiện khởi kiện theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

8. Về chi phí tố tụng: Buộc anh Phạm Thanh L phải nộp 6.750.000 đồng để hoàn lại cho chị Nguyễn Thị Xuân T chi phí tố tụng (xem xét thẩm định tại chỗ, đo đạc và định giá tài sản).

9. Về án phí:

9.1. Chị Nguyễn Thị Xuân T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 31.576.000 đồng án phí về việc chia tài sản chung khi ly hôn, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại các biên lai thu tạm ứng án phí số 0002060 ngày 08/10/2021 với số tiền 300.000 đồng và biên lai thu tạm ứng án phí

số 0002296 ngày 08/4/2022 với số tiền 16.400.000 đồng tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Chị Nguyễn Thị Xuân T phải nộp số tiền án phí 15.176.000 đồng.

9.2. Anh Phạm Thanh L phải chịu 25.042.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc chia tài sản chung khi ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 21.750.000 đồng theo Biên lai tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002313 ngày 12/4/2022 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận. Anh Phạm Thanh L phải nộp thêm số tiền án phí 3.292.500 đồng.

9.3. Anh Nguyễn T1 phải chịu 15.343.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7,7A và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự

Quyền kháng cáo của các đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai. Đối với các đương sự vắng mặt 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND tỉnh Bình Thuận;
- Chi cục Thi hành án dân sự Bắc Bình;
- UBND xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình
(Số đăng ký kết hôn 228, ngày 07/4/2005);
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Xuân Ngọc

